

Số: 1364 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cắt giảm, tiết kiệm thêm
chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2021 đã giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, tổng số tiền là 49.322.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu đồng*), chi tiết theo các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán cắt giảm, tiết kiệm thêm năm 2021, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước giao dịch để thực hiện và tổ chức thực hiện dự toán còn lại theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Thành phố;
- KBNN nơi giao dịch
(gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *✓*



GIÁM ĐỐC *✓*

Trần Thế Cường

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán cắt giảm, tiết kiệm thêm	Dự toán năm 2021 tiết kiệm thêm chi khác - Chi quản lý hành chính: Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. - Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên.	Chia ra							
				Tổng cộng	Tổng số	Chi nghiệp vụ			Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	Kinh phí mua sắm (có danh mục đính kèm)	
						Chia ra					
						Hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin; Các khoản chi nghiệp vụ ngành giáo dục	Nghiệp vụ chuyên môn ngành (tổ chức thi Giáo viên giỏi, học sinh giỏi, hội thảo tập huấn chuyên đề các cấp học, công tác thanh kiểm tra hoạt động chuyên môn, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong nhà trường,...)	Triển khai Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông, TTGDNN-GDTX trên địa bàn thành phố Hà Nội			
A	B	1=2+3	2	3=4+8+9	4=5+6+7	5	6	7	8	9	
44	Trường THPT Cầu Giấy	112.374	112.374	-	-						
45	Trường THPT Trung Văn	32.558	32.558	-	-						
46	Trường THPT Mê Linh	74.486	74.486	-	-						
47	Trường THPT Tự Lập	48.373	48.373	-	-						
48	Trường THPT Quang Minh	85.920	85.920	-	-						
49	Trường THPT Tiên Thĩnh	120.915	120.915	-	-						
50	Trường THPT Tiên Phong	106.278	106.278	-	-						
51	Trường THPT Yên Lãng	105.896	105.896	-	-						
52	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	46.031	46.031	-	-						
53	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ	437.613	437.613	-	-						
54	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông	134.438	134.438	-	-						
55	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	120.098	120.098	-	-						
56	Trường THPT Sơn Tây	174.827	174.827	-	-						
57	Trường THPT Tùng Thiện	110.892	110.892	-	-						
58	Trường THPT Xuân Khanh	48.789	48.789	-	-						
59	Trường THPT Ba Vì	197.423	197.423	-	-						
60	Trường THPT Bất Bạt	164.914	92.914	72.000	-						72.000
61	Trường THPT Ngô Quyền - Ba Vì	164.048	164.048	-	-						
62	Trường THPT Quảng Oai	99.234	99.234	-	-						
63	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	404.651	404.651	-	-						
64	Trường THPT Phúc Thọ	187.049	187.049	-	-						
65	Trường THPT Ngọc Tảo	165.464	165.464	-	-						
66	Trường THPT Văn Cốc	143.889	143.889	-	-						
67	Trường THPT Đan Phượng	145.818	145.818	-	-						
68	Trường THPT Hồng Thái	164.238	164.238	-	-						
69	Trường THPT Tân Lập	177.025	177.025	-	-						
70	Trường THPT Thạch Thất	145.700	145.700	-	-						
71	Trường THPT Phùng Khắc Khoan-T.Thất	172.213	172.213	-	-						
72	Trường THPT Hai Ba Trưng - Thạch Thất	153.352	153.352	-	-						
73	Trường THPT Bắc Lương Sơn	198.050	198.050	-	-						
74	Trường THPT Hoài Đức A	111.136	111.136	-	-						

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán cắt giảm, tiết kiệm thêm	Dự toán năm 2021 tiết kiệm thêm chi khác - Chi quản lý hành chính: Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. - Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên.	Chia ra						
				Tổng cộng	Chi nghiệp vụ				Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	Kinh phí mua sắm (có danh mục đính kèm)
					Tổng số	Chia ra				
						Hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin. Các khoản chi nghiệp vụ ngành giáo dục	Nghiệp vụ chuyên môn ngành (tổ chức thi Giáo viên giỏi, học sinh giỏi, hội thảo tập huấn chuyên đề các cấp học, công tác thanh kiểm tra hoạt động chuyên môn, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong nhà trường,...)	Triển khai Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông, TTGDNN-GDTX trên địa bàn thành phố Hà Nội		
A	B	1=2+3	2	3=4+8+9	4=5+6+7	5	6	7	8	9
75	Trường THPT Hoài Đức B	124.677	124.677	-	-					
76	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	157.473	157.473	-	-					
77	Trường THPT Quốc Oai	59.519	59.519	-	-					
78	Trường THPT Minh Khai - Quốc Oai	161.809	161.809	-	-					
79	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	172.417	172.417	-	-					
80	Trường THPT Chương Mỹ A	93.347	93.347	-	-					
81	Trường THPT Chương Mỹ B	208.374	208.374	-	-					
82	Trường THPT Chúc Động	174.397	174.397	-	-					
83	Trường THPT Xuân Mai	54.452	54.452	-	-					
84	Trường THPT Thanh Oai A	168.757	168.757	-	-					
85	Trường THPT Thanh Oai B	173.560	173.560	-	-					
86	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai.	181.025	181.025	-	-					
87	Trường THPT Thường Tín	118.534	118.534	-	-					
88	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín	166.422	166.422	-	-					
89	Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	134.208	134.208	-	-					
90	Trường THPT Văn Tảo	157.487	157.487	-	-					
91	Trường THPT Lý Tử Tấn	140.683	140.683	-	-					
92	Trường THPT Mỹ Đức A	116.379	116.379	-	-					
93	Trường THPT Mỹ Đức B	157.134	157.134	-	-					
94	Trường THPT Mỹ Đức C	66.610	66.610	-	-					
95	Trường THPT Hợp Thanh	113.483	113.483	-	-					
96	Trường THPT Ứng Hoà A	64.681	64.681	-	-					
97	Trường THPT Ứng Hoà B	83.413	83.413	-	-					
98	Trường THPT Đại Cường	40.171	40.171	-	-					
99	Trường THPT Lưu Hoàng	52.604	52.604	-	-					
100	Trường THPT Trần Đăng Ninh	102.888	102.888	-	-					
101	Trường THPT Phú Xuyên A	132.743	132.743	-	-					
102	Trường THPT Phú Xuyên B	127.393	127.393	-	-					
103	Trường THPT Đông Quan	174.318	174.318	-	-					
104	Trường THPT Tân Dân	172.959	172.959	-	-					
105	Trường THPT Bắc Thăng Long	301.306	301.306	-	-					

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán cắt giảm, tiết kiệm thêm	Dự toán năm 2021 tiết kiệm thêm chi khác - Chi quản lý hành chính: Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. - Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề: Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên.	Dự toán năm 2021 cắt giảm - Chi quản lý hành chính: Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. - Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề: Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên.							Chia ra			Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	Kinh phí mua sắm (có danh mục đính kèm)
				Tổng cộng	Tổng số	Chi nghiệp vụ			Hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin; Các khoản chi nghiệp vụ ngành giáo dục	Nghiệp vụ chuyên môn ngành học sinh giỏi, hội thảo tập huấn chuyên đề các cấp học, công tác thanh kiểm tra hoạt động chuyên môn, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong nhà trường,...)	Triển khai Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông, TTGDNN-GDTX trên địa bàn thành phố Hà Nội				
						Chia ra									
A	B	1=2+3	2	3=4+8+9	4=5+6+7	5	6	7	8	9					
106	Trường THPT Thạch Bàn	186.786	186.786	-	-										
107	Trường THPT Lê Lợi	308.181	284.181	24.000	-								24.000		
108	Trường THPT Minh Quang	152.909	152.909	-	-										
109	Trường THPT Phúc Lợi	227.767	227.767	-	-										
110	Trường THPT Đồng Mỹ	260.750	260.750	-	-										
111	Trường THPT Xuân Phương	249.649	249.649	-	-										
112	Trường THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	295.503	295.503	-	-										
113	Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh	266.627	266.627	-	-										
114	Trường THPT Hoài Đức C	159.994	159.994	-	-										
115	Trường THPT Khương Đình	66.217	66.217	-	-										
116	Sở Giáo dục và Đào tạo	27.725.000	27.725.000	23.684.000	-			23.684.000					4.041.000		
	Cộng Loại 070 Khoản 085	1.165.720	198.720	967.000	-	-	-	-	-	967.000	-	967.000	-		
1	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục Hà Nội	1.165.720	198.720	967.000	-			-		967.000	-	967.000	-		
	Cộng Loại 070 Khoản 098	900.000	-	900.000	900.000	-	900.000	900.000	-	900.000	-	-	-		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	900.000	-	900.000	900.000	-	900.000	900.000	-	900.000	-	-	-		

DANH MỤC MUA SẮM CẮT GIẢM LẦN 1 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1364 /QĐ-SGDDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Sở GDĐT Hà Nội)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng cắt giảm	Kinh phí cắt giảm (triệu đồng)
	Tổng số			5.534
1	Chi quản lý hành chính			70
*	Mua tại Văn phòng Sở: Điều hòa nhiệt độ (36.000 BTU)	bộ	2	
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			5.464
*	Mua tại Sở Giáo dục và Đào tạo: Nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin			4.041
	Máy chiếu cho phòng học ứng dụng công nghệ	chiếc	115	
	Màn chiếu cho phòng học ứng dụng công nghệ	chiếc	115	
	Máy tính để bàn giáo viên cho phòng học ứng dụng công nghệ	bộ	53	
	Loa hộp cho phòng học ứng dụng công nghệ	chiếc	212	
	Micro không dây cho phòng học ứng dụng công nghệ (gồm tay cầm micro và thiết bị thu tín hiệu)	đôi	106	
	Tăng âm cho phòng học ứng dụng công nghệ	chiếc	53	
	Tủ Rack đựng thiết bị cho phòng học ứng dụng công nghệ	chiếc	53	
	Phụ kiện và công lắp đặt cho phòng học ứng dụng công nghệ	phòng	53	
*	THPT Bất Bạt			72
	Bàn ghế học sinh cho phòng Tin học	bộ	24	
*	THPT Lê Lợi			24
	Bàn ghế học sinh cho phòng Âm nhạc (loại 1 chỗ ngồi)	chiếc	24	
*	THPT Phan Đình Phùng			1.279
	Bàn ghế học sinh cho phòng Âm nhạc (loại 1 chỗ ngồi)	chiếc	24	
	* Khu nhà bếp, nhà ăn			
	Hệ thống cấp nước sạch cho khu bếp ăn (bao gồm cả máy lọc nước)	hệ thống	1	
	Hệ thống hút mùi bếp cho khu bếp ăn	hệ thống	1	
	* Loại bếp dùng ga, bếp từ			
	Bếp từ đôi hoặc bếp ga công nghiệp cho khu bếp ăn	bộ	2	

trần 70

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng cắt giảm	Kinh phí cắt giảm (triệu đồng)
	Bếp từ đơn hoặc bếp ga công nghiệp cho khu bếp ăn	chiếc	2	
	Bếp hầm từ đôi cho khu bếp ăn	bộ	2	
	Tủ cơm ga hoặc điện cho khu bếp ăn (loại 100 kg)	chiếc	1	
	* Thiết bị nhà bếp khác			
	Máy sấy bát cho khu bếp ăn	chiếc	2	
	Tủ, giá kệ để bát và xoong nồi cho khu bếp ăn	chiếc	2	
	Bàn chia thức ăn, giao nhận thực phẩm cho khu bếp ăn	chiếc	2	
	Nồi phi 28 inox cho khu bếp ăn	chiếc	3	
	Nồi nhôm 50 lít cho khu bếp ăn	chiếc	3	
	Nồi nhôm 80 lít cho khu bếp ăn	chiếc	3	
	Cân 60 kg cho phòng Y tế	chiếc	1	
	Cân 100 kg cho phòng Y tế	chiếc	1	
	Bình ủ nước nóng inox cho khu bếp ăn	chiếc	3	
	Khay inox cho khu bếp ăn	chiếc	500	
	Tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm cho khu bếp ăn	chiếc	1	
	Bàn ăn cơm Inox cho khu bếp ăn	chiếc	75	
	Ghế ăn cơm cho khu bếp ăn	chiếc	500	
	Chậu rửa bát công nghiệp cho khu bếp ăn	chiếc	3	
	Điều hòa nhiệt độ (18.000 BTU)	bộ	6	
*	THPT Kim Liên			24
	Bàn ghế học sinh cho phòng Âm nhạc (loại 1 chỗ ngồi)	chiếc	24	
*	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam			24
	Bàn ghế học sinh cho phòng Âm nhạc (loại 1 chỗ ngồi)	chiếc	24	

Handwritten signature